

Bản án số: 208/2023/HC-PT

Ngày: 29/3/2023

*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Bà Hoàng Thị Bích Hải.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại Phòng xét xử trực tuyến trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Phòng xét xử trực tuyến trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh N, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử trực tuyến công khai vụ án hành chính thụ lý số 07/2023/TLPT-HC ngày 03 tháng 01 năm 2023 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”. Do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2022/HC-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh N.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1821/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 3 năm 2023 giữa:

1. Người khởi kiện: Ông Hồ Thanh T, sinh năm 1959; Địa chỉ: Xóm 1, xã D, huyện D1, tỉnh N (Vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của ông D: Ông Trương Bạch G sinh năm 1952 và ông Trương P sinh năm 1959; Cùng địa chỉ: Xóm 1 mới, xã D, huyện D1, tỉnh N (Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện D1, tỉnh N và Chủ tịch UBND huyện D1, tỉnh N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Mạnh H – Phó chủ tịch (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. UBND xã D, huyện D1, tỉnh N;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn V - Chủ tịch (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.2. Bà Nguyễn Thị H1 sinh năm 1960; Địa chỉ: Xóm 1, xã D, huyện D1, tỉnh N (Vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của bà H1: Ông Trương Bạch G sinh năm 1952 và ông Trương P sinh năm 1959; Cùng địa chỉ: Xóm 1 mới, xã D, huyện D1, tỉnh N (Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Người khởi kiện ông Hồ Thanh T và người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Thanh T trình bày:

Năm 1989, gia đình ông Hồ Thanh T được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã D cấp đất ở theo dạng đấu thầu (2,5 tấn thóc). Đến năm 1994, thực hiện dự án nâng cấp mở rộng quốc lộ 1A (dự án PMU1), Nhà nước đã thu hồi của gia đình ông 7m từ chân đường quốc lộ 1A nhưng không bồi thường về đất mà chỉ bồi thường tài sản và hoa màu trên đất theo Quyết định số 1708 của UBND tỉnh N. Đến năm 1997, gia đình ông Hồ Thanh T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) nhưng diện tích ghi trong GCNQSDĐ chỉ còn 380m². Khi cấp GCNQSDĐ thì UBND huyện và UBND xã cũng không đo đạc lại. Trong khi đó, diện tích đo theo quyết định của UBND huyện D1 năm 2011 là 799,7m² (GCNQSDĐ được cấp sau dự án PMU1). Năm 2014, thực hiện dự án nâng cấp mở rộng quốc lộ 1A, UBND huyện D1 đã thu hồi đất của gia đình ông với diện tích 218,2m², nhưng không có quyết định thu hồi đất và cũng không đền bù hỗ trợ cho gia đình ông.

Diện tích UBND xã D cấp cho ông không đo đạc cụ thể nhưng được cấp từ chân đường quốc lộ 1A, việc không có hồ sơ lưu trữ tại xã là lỗi của UBND xã. Ông Hồ Thanh T cho rằng, việc sử dụng đất của gia đình ông là hợp pháp. Đất đã được sử dụng ổn định liên tục, không có tranh chấp, không lấn chiếm, thuộc trường hợp đủ điều kiện được bồi thường và hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 74 Luật Đất đai 2013, Điều 42, 87, 97 Luật Đất đai 2003, Điều 27 Luật Đất đai 1993, Điều 8, Điều 16 Nghị định 197/2004/NĐ-CP, Điều 45, Điều 92 Nghị định 181/2004, Điều 47 Nghị định 84/2007, Điều 11 Nghị định 69/2009/NĐ-CP, Điều 12 Nghị định 47/2014/NĐ-CP và các công văn chỉ đạo của các cấp như: Công văn 3027 và Công văn 1297 của Bộ Tài nguyên & Môi trường, Công văn 7947 của UBND tỉnh N, Công văn 4942 của Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh N,... Thế nhưng UBND huyện D1 vẫn không thực hiện

làm ảnh hưởng quyền và lợi ích của gia đình. Vì vậy, ông Hồ Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh N:

- Hủy bỏ Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 09/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện D1 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Hồ Thanh T.

- Buộc UBND huyện D1 phải ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB khi thu hồi đất đối với phần diện tích 218,2m² trong phạm vi giải tỏa PMU1.

* Tại bản tự khai ngày 16/11/2021, ông T yêu cầu buộc UBND huyện D1 bồi thường trượt giá theo lãi suất cho vay của Ngân hàng Nhà nước. Tại phiên họp đối thoại và tại phiên tòa ông T không yêu cầu xem xét nội dung này.

2. Đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện D1 và UBND huyện D1 trình bày:

Căn cứ kết quả xác minh nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và hồ sơ địa chính thể hiện: Gia đình ông Hồ Thanh T đang sử dụng diện tích 380m², thuộc thửa đất số 360, tờ bản đồ số 113-62 (thửa đất trích đo số 25, tờ bản đồ trích đo số 7) loại đất ở và đất vườn, sử dụng từ năm 1988 đến nay không tranh chấp. Về hồ sơ quản lý đất đai lưu giữ tại UBND xã D thì theo Bản đồ 364, sổ mục kê lập năm 1994 thể hiện: Thửa đất trên thuộc thửa đất cũ số 360, tờ bản đồ số 113-62, diện tích 380m².

- Kết quả xét duyệt nguồn gốc đất của UBND xã D xác định: phần diện tích đất của hộ gia đình ông Hồ Thanh T ngoài phạm vi mốc PMU1 trở xuống phía Đông đã được giao và cấp GCNQSDĐ, còn phần diện tích từ mốc PMU1 trở lên phía Tây (đường Quốc lộ 1A) 218,2m² là phần diện tích không được giao và không được cấp GCNQSDĐ.

- Về phạm vi ảnh hưởng bởi dự án đối với thửa đất của ông Hồ Thanh T, theo trích đo phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng thì thửa đất ông Hồ Thanh T có tổng diện tích là 799,7m², diện tích bị ảnh hưởng bởi dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A là 357,6m², (tính từ mép nhựa cũ đến mốc 881/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải) trong đó: Diện tích đất nằm trong phạm vi đã giải tỏa của dự án PMU1 là 218,2m²; diện tích đất nằm ngoài phạm vi PMU1 (từ mốc PMU1 đến mốc GPMB 881) là 39,4m². Căn cứ vào hồ sơ bồi thường giải phóng mặt bằng thì UBND huyện D1 đã thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ cho ông Hồ Thanh T đối với phần diện tích bị ảnh hưởng nằm ngoài phạm vi PMU1 39,4m²; phần diện tích đất nằm trong phạm vi PMU1 218,2m² UBND huyện không ban hành Quyết định thu hồi đất và ông Hồ Thanh T không được xem xét bồi thường, hỗ trợ. Việc ông Hồ Thanh T yêu cầu UBND huyện D1 ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi 218,2m² đất của gia đình ông là không có cơ sở để xem xét giải quyết. Chủ tịch UBND huyện D1 giữ nguyên Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 09/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện D1 về việc giải

quyết khiếu nại của ông Hồ Thanh T, trú tại xóm 1 xã D, huyện D1, tỉnh N (lần đầu).

3. Quan điểm của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đại diện UBND xã D trình bày:

Thửa đất số 391 (theo bản đồ chỉnh lý 2005 là thửa 360), tờ bản đồ 113-62, tại xóm 1, xã D, huyện D1, tỉnh N của ông Hồ Thanh T được Hợp tác xã Q, UBND xã D xét cấp và giao đất không thu tiền sử dụng đất cho gia đình ông Hồ Thanh T từ năm 1989 và được gia đình sử dụng cho đến nay (Hồ sơ liên quan đến việc cấp đất, giao đất năm 1989 hiện nay UBND xã không còn lưu trữ). Đến năm 1997 trên cơ sở bản đồ 364 và hồ sơ UBND xã trình, UBND huyện D1 cấp GCNQSDĐ số I 120271 ngày 25/02/1997 cho ông Hồ Thanh T tại thửa đất số 391, tờ bản đồ số 112-63 (Trên GCNQSDĐ ghi sai tờ bản đồ, tờ bản đồ đúng là 113-62) với diện tích là 380m² (trong đó: Đất ở 200m², đất vườn là 180 m²). Năm 2014 thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường quốc lộ 1A nhà nước đã bồi thường và thu hồi 39,4 m² đất vườn, diện tích còn lại gia đình ông Hồ Thanh T tiếp tục sử dụng đến nay.

Đối với việc cấp đất cho các hộ dân, UBND xã D đã có Báo cáo số 71/BC-UBND ngày 23/02/2021 thể hiện: Phần diện tích đất của các hộ gia đình, cá nhân từ mốc PMU1 trở xuống phía Đông đã được cấp GCNQSDĐ, còn phần diện tích đất từ mốc PMU1 trở lên phía Tây (đường quốc lộ 1A) là phần diện tích không được cấp GCNQSDĐ. Hiện nay, phần diện tích ông Hồ Thanh T khiếu nại đã được thi công làm đường Quốc Lộ 1A từ năm 2014, hiện trạng hiện nay là đường giao thông, không có cơ sở để xác định hiện trạng và ranh giới sử dụng đất.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Thanh T là không có cơ sở; đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3.2. Bà Nguyễn Thị H1 có quan điểm thống nhất với ý kiến của ông Hồ Thanh T.

4. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2022/HC-ST ngày: 23/8/2022, Tòa án nhân dân tỉnh N đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, Điều 157, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 18, 27, 28, 29, 30, 31 Luật Khiếu nại và Điều 66; Điều 69, Điều 74, Điều 75, Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 20, khoản 2 Điều 23, điểm c khoản 4 Điều 56 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Điều 6, 7, 8 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; khoản 2 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà

nước thu hồi đất; Nghị định 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng về việc ban hành Điều lệ bảo vệ đường bộ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Thanh T về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh N hủy bỏ Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 09/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện D1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Thanh T (lần đầu); Buộc UBND huyện D1 phải ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB khi thu hồi đất đối với phần diện tích 218,2m² trong phạm vi giải tỏa PMU1. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 05/9/2022, người khởi kiện là ông Hồ Thanh T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

5. Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện vắng mặt, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, người bị kiện và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa có quan điểm như sau:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và của Người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Luật Tố tụng hành chính. Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán phụ trách giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án.

- Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người khởi kiện vắng mặt, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung ông Hồ Thanh T đề nghị hủy bỏ Quyết định số: 674/QĐ-UBND ngày 09/03/2021 của Chủ tịch UBND huyện D1 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Hồ Thanh T. Buộc UBND huyện D1 phải ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB khi thu hồi đất đối với phần diện tích 218,2m² trong phạm vi giải tỏa PMU1.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì thấy Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2022/HC-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh N, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Thanh T là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Thanh T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo của Người khởi kiện là ông Hồ Thanh T được gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh N đảm bảo đúng thời hạn, hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại các điều 204, 205, 206 Luật Tố tụng hành chính do đó được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các đương sự đều vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt của những người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét kháng cáo của ông Hồ Thanh T:

Về nguồn gốc thửa đất theo ông Hồ Thanh T trình bày thì nguồn gốc thửa đất là do gia đình ông được UBND xã D cấp theo dạng đấu thầu 2,5 tấn thóc năm 1989 và gia đình ông sử dụng ổn định từ đó đến nay.

Theo báo cáo của UBND xã D thì nguồn gốc thửa đất của ông Hồ Thanh T được Hợp tác xã Q, UBND xã D xét cấp và giao đất không thu tiền sử dụng đất cho gia đình ông T từ năm 1989 và được gia đình sử dụng cho đến nay.

- Hồ sơ quản lý đất đai qua các thời kỳ thể hiện:

+ Bản đồ 299 thể hiện là thửa số 569, tờ bản đồ số 03, diện tích cả thửa lớn là 1.172m².

+ Bản đồ 364 lập năm 1994 thể hiện: Thửa đất số 391, tờ bản đồ 113-62, có gạch xóa chỗ diện tích; sổ địa chính thể hiện thửa đất số 391, tờ bản đồ số 112-63, diện tích 380 m².

+ Bản đồ 364 (chỉnh lý năm 2005), sổ mục kê thể hiện: là thửa đất số 360, tờ bản đồ số 113-62, diện tích 380m²;

+ Ngày 25/02/1997, ông Hồ Thanh T được UBND huyện D1 cấp GCNQSDĐ số I 120271 đối với thửa đất số 391, tờ bản đồ 112-63 với diện tích là 380m² (gồm: 200m² đất ở và 180m² đất vườn). Theo Báo cáo số 688/BC-UBND ngày 10/8/2022 của UBND xã D thì trên GCNQSDĐ ghi tờ bản đồ số 112-63 là không đúng, đúng ra là tờ bản đồ số 113-62.

- Về phạm vi ảnh hưởng của dự án đối với thửa đất của ông Hồ Thanh T: Theo trích đo phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng thì thửa đất ông Hồ Thanh T sử dụng có tổng diện tích là 799,7m² trong đó diện tích bị ảnh hưởng bởi dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A là 357,6m² (tính từ mép nhựa cũ đến mốc 881/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải) trong đó: Diện tích đất

nằm trong phạm vi đã giải tỏa của dự án PMU1 là $218,2m^2$. Diện tích đất nằm ngoài phạm vi PMU1 (từ mốc PMU1 đến mốc GPMB 881) là $39,4m^2$, đã được bồi thường.

- Quá trình làm việc với một số cá nhân tại UBND xã D thể hiện: Hiện không còn hồ sơ cấp đất, giao đất lưu tại UBND xã D, huyện D1 để xác định diện tích, mốc giới giao đất. Việc giao đất cho dân được tiến hành trên thực địa nhưng không nhớ là giao đất theo mốc nào nhưng không giao phần hành lang đường Quốc lộ 1A, chỉ giao phần đất do HTX quản lý.

Tại Báo cáo ngày 12/11/2019 của UBND xã D, huyện D1 về kết quả của Hội đồng đăng ký đất đai xã D phục vụ công tác giải quyết đơn thư khiếu nại tuyến đường quốc lộ 1A (BL 49) xác định: Do hồ sơ giao đất, cấp đất, hồ sơ địa chính trước đây không còn lưu giữ đầy đủ nên Hội đồng đăng ký đất đai xã không xác định được tại thời điểm bán đất năm 1994 trở về trước phạm vi giao đất và bán đất tại vị trí nào của các hộ tuyến Quốc lộ 1A. Nhưng căn cứ theo GCNQSDĐ đã cấp năm 1994 và bản đồ 364 lưu tại UBND xã thì GCNQSDĐ của các hộ gia đình đã được cấp từ phạm vi PMU1 trở xuống phía Đông và từ PMU1 trở lên phía Tây đường 1A là phần diện tích không được cấp vào GCNQSDĐ cho các hộ gia đình. Như vậy, hộ ông Hồ Thanh T được UBND huyện D1 cấp GCNQSDĐ từ mốc PMU1 trở xuống phía Đông, còn phần diện tích từ mốc PMU1 đến mép đường Quốc lộ 1A không được cấp GCNQSDĐ. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T và người đại diện theo ủy quyền của ông T cũng thừa nhận tình trạng chung đối với tất cả các hộ thời kỳ đó khi giao đất chỉ cắm mốc, không có biên bản giao đất.

Qua xem xét các tài liệu trên thấy rằng: Gia đình ông Hồ Thanh T được UBND xã D cấp đất và giao đất năm 1989. Năm 1997 được cấp GCNQSDĐ với diện tích $380m^2$. Quá trình cấp đất và cấp GCNQSDĐ không xác định cụ thể ranh giới. Ông Hồ Thanh T không cung cấp được giấy tờ, tài liệu chứng minh phần diện tích nằm trong phạm vi PMU1 ($218,2m^2$) đã được UBND xã D cấp cho gia đình ông.

Hơn nữa, hồ sơ địa chính qua các thời kỳ đều thể hiện diện tích đất của hộ ông Hồ Thanh T là $380m^2$. Kết quả xét duyệt của UBND xã D xác định phần diện tích đất của ông Hồ Thanh T từ mốc PMU1 trở xuống phía Đông đã được giao và cấp GCNQSDĐ, còn phần diện tích đất từ mốc PMU1 trở lên phía Tây (đường Quốc lộ 1A) $218,2m^2$ là phần diện tích không được giao và không được cấp GCNQSDĐ. Mặt khác, sau khi Nhà nước thu hồi $218,2m^2$ đất để nâng cấp, mở rộng quốc lộ 1A (mà ông T cho là gia đình ông đang sử dụng), thì diện tích đất còn lại thực tế gia đình ông T đang sử dụng lớn hơn so với diện tích được cấp GCNQSDĐ ($799,7m^2 - 218,2m^2 = 581,5m^2$ lớn hơn $380m^2$). Ông T được giao đất năm 1989, sau khi có Nghị định số 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng về việc ban hành Điều lệ bảo vệ đường bộ nên phần diện tích đất nằm trong hành lang an toàn giao thông không được cấp GCNQSDĐ.

Từ những phân tích trên cho thấy, phần diện tích bị ảnh hưởng trong phạm vi PMU1 của gia đình ông Hồ Thanh T thuộc hành lang an toàn giao thông Quốc lộ 1A không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Luật Đất đai năm 2003, khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013. Việc ông Hồ Thanh T yêu cầu UBND huyện D1 ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 218,2m² đất khi Nhà nước thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A là không có cơ sở nên Quyết định số 674/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện D1 xác định khiếu nại của ông Hồ Thanh T là khiếu nại sai là có căn cứ.

Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Thanh T về việc hủy Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 09/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện D1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Thanh T (lần đầu); Buộc Ủy ban nhân dân huyện D1 ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với phần diện tích 218,2m² trong chỉ giới PMU1.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm ông Hồ Thanh T cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Hồ Thanh T là có căn cứ.

Từ những căn cứ nêu trên thấy bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Thanh T là đúng pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Hồ Thanh T.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo của ông Hồ Thanh T không được chấp nhận lẽ ra ông T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, nhưng do ông T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông T.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của ông Hồ Thanh T, giữ nguyên các quyết định tại Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2022/HC-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh N.

2. Về án phí: Ông Hồ Thanh T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- Cục thi hành án tỉnh N;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Xuân Trọng